

Số: 14/2021/QĐST-HNGĐ

TP. Tuyên Quang, ngày 12 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 397/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Dương Thị H**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số nhà 28, tổ 13, phường A, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Ông **Bùi Văn H**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số nhà 28, tổ 13, phường A, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Dương Thị H và ông Bùi Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung:* + Bà Dương Thị H và ông Bùi Văn H cùng xác định có 02 người con chung là cháu Bùi Văn T, sinh ngày 07 tháng 01 năm 1994 và cháu Bùi Hương G, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2003. Hiện nay cháu Bùi Văn T đã trưởng thành trên 18 tuổi, có sức khỏe bình thường, nên bà Hạnh và ông Hiến không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

+ Giao con chung là cháu Bùi Hương G, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2003 cho bà Dương Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Bùi Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Dương Thị H và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Bà Dương Thị H và ông Bùi Văn H cùng xác định hai bên tự thỏa thuận chia cho nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung*: Bà Dương Thị H và ông Bùi Văn H cùng xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Bà Dương Thị H tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000788 ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho bà Dương Thị H số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Bùi Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố Q (2 bản);
- THADS thành phố Q (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường A (để biết);
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Trần Anh Tuấn